

**ĐIỀU TRA TÌNH HÌNH PHÂN BỐ VÀ KHẢ NĂNG TÁI SINH TỰ NHIÊN
CỦA LOÀI TRẮC DÂY (*Dalbergia annamensis* A. Chev.)
Ở KHU VỰC NÚI MIẾU, TỈNH PHÚ YÊN**

Nguyễn Thị Kim Triển

Trường Đại học Phú Yên

Email: nguyenthikimtrien@pyu.edu.vn

Ngày nhận bài: 31/05/2022; Ngày nhận đăng: 20/06/2022

Tóm tắt

Trắc dây (*Dalbergia annamensis* A. Chev.) ở khu vực núi Miếu, xã Hòa Quang Bắc là loài đặc hữu hẹp của Việt Nam (Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa) nằm trong sách Đỏ Việt Nam (1996) mức độ nguy cấp (EN), một loài gỗ quý thuộc nhóm IIA, có giá trị sử dụng, giá trị về kinh tế rất cao. Ở khu vực này, Trắc dây phân bố chủ yếu ở sườn núi với độ cao 20-30m, hướng tây nam và sinh sản sinh dưỡng từ thân ngầm chiếm 86,32%.

Từ khóa: Núi Miếu, Trắc dây, Trắc dây ở núi Miếu

**Investigation on distribution and regeneration capacity of
Dalbergia annamensis (*Dalbergia annamensis* A. Chev.) at
Nui Mieu area, Phu Yen province**

Nguyen Thi Kim Trien

Phu Yen University

Received: May 31, 2022; Accepted: June 20, 2022

Abstract

Dalbergia annamensis (*Dalbergia annamensis* A. Chev.) at Nui Mieu area, Hoa Quang Bac commune is an endemic in Vietnam (at Binh Dinh province, Phu Yen province and Khanh Hoa province), endangered level is EN in the Vietnam Red Data Book (1996), a rare wood species of group II A, with very high use and economic values. *Dalbergia annamensis* grows on the mountainside with an altitude of 20-30 meters, in the southwest direction and vegetative reproduction from underground stems, occupying 86,32%

Key word: Nui Mieu, *Dalbergia annamensis* A. Chev., *Dalbergia annamensis* at Nui Mieu

1. Đặt vấn đề

Khu vực Núi Miếu, xã Hòa Quang Bắc, Huyện Phú Hòa, tỉnh Phú Yên là khu vực có khí hậu hạn hán, thiếu nước về mùa khô, đất đai có lẫn nhiều đá, ảnh hưởng rất lớn đến sự sinh sản của hệ thực vật nơi đây. Tuy nhiên, trong quá trình khảo sát thực

địa, chúng tôi nhận thấy có một loài gỗ quý Trắc dây ở khu vực này.

Trắc dây (*Dalbergia annamensis* A. Chev.) (Phạm Hoàng Hộ, 1999), là cây đặc hữu hẹp của Nam Trung Bộ phân bố phần lớn ở Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa, nằm trong danh mục sách đỏ Việt Nam

(1996) đang ở mức độ nguy cấp (EN) (Bộ Khoa học Công nghệ và Môi trường, 1996). Là cây gỗ quý, gỗ thuộc nhóm gỗ IIA (Chính phủ, 2002), từ xa xưa người dân đã biết sử dụng gỗ của loài này đóng nhiều vật dụng trong gia đình như tủ, bàn, ghế, có giá trị (Nguyễn Hồng Đăng, 2009). Ngoài ra, chúng có thể tạo được dáng, thế đứng theo ý tưởng của nghệ nhân cây cảnh, nên được sử dụng làm cây bonsai với giá trị cao. Tại thời điểm này, ở huyện Phú Hòa nói chung và khu vực núi Miếu nói riêng, Trắc dây đang bị khai thác đến cạn kiệt.

Vì vậy, trong bài báo này, chúng tôi điều tra sự phân bố và khả năng tái sinh tự nhiên của loài của loài Trắc dây (*Dalbergia annamensis* A. Chev.) ở núi Miếu, góp phần khoanh vùng bảo vệ, khôi phục lại Trắc dây ở khu vực này.

2. Thời gian, vật liệu và phương pháp nghiên cứu

2.1. Thời gian

Từ tháng 1/2020 đến 1/2021

2.2. Vật liệu nghiên cứu

Trắc dây (*Dalbergia annamensis* A.Chev.) tại khu vực Núi Miếu, xã Hòa Quang Bắc, huyện Phú Hòa, tỉnh Phú Yên.

2.3. Phương pháp nghiên cứu

2.3.1. Phương pháp lập ô tiêu chuẩn

Chọn địa điểm thu mẫu và ô nghiên cứu

Điều tra phân bố của loài qua các thời kỳ: Sử dụng phương pháp hạt đậu để phỏng vấn thông tin về sự phân bố của loài ở các thời điểm nghiên cứu thông qua sự hiểu biết của người dân về loài Trắc dây. Dùng hạt đậu, đặt phân bố hạt đậu trên bản đồ nền, di chuyển chúng đến vị trí thích hợp theo những thông tin xác nhận là chính xác. Ghi nhận hình ảnh bằng điện thoại.

Thăm dò hộ gia đình, người dân thường xuyên đi rừng giúp định hướng những khu vực có loài Trắc dây để chúng tôi tiến hành

khảo sát, chọn địa điểm thu mẫu và sử dụng điện thoại để xác định tọa độ vùng nghiên cứu cũng như ÔTC. Trong mỗi ô, tiến hành đo đếm các chỉ tiêu chiều cao vút ngọn (Hvn), đường kính gốc (D), kết quả ghi vào phiếu điều tra đã lập sẵn.

Chúng tôi điều tra ở 5 địa điểm, mỗi địa điểm tiến hành lập 1 ô tiêu chuẩn điển hình với diện tích 100m²/ô (10m x 10m) theo phương pháp của Nguyễn Nghĩa Thìn (2008), để tiến hành điều tra. Việc kết hợp điều tra theo tuyến và điều tra ô tiêu chuẩn để thu thập các số liệu sau:

- Mật độ: đếm số cây trắc trong mỗi ÔTC.
- Chất lượng cây tại các ÔTC: Đo chiều cao tất cả các cây Trắc dây có trong ô, sau đó dùng Excel tính trung bình.
- Đo đường kính gốc: dùng thước kẹp để đo.

2.3.2. Quan sát tái sinh tự nhiên từ hạt và tái sinh sinh dưỡng tự nhiên

Để phân biệt cây con tái sinh từ hạt và từ cơ quan dinh dưỡng thì dựa vào tính chất sau:

- Nếu cây con nảy mầm từ hạt (sinh sản hữu tính) có hiện tượng mọc đơn độc, riêng lẻ, bộ rễ cọc,...
- Nếu cây con được phát sinh từ thân ngầm của cây mẹ (sinh sản sinh dưỡng) mọc thành đám, có thể liên kết với nhau hoặc liên kết với cây mẹ, bộ rễ chùm,...

- Đo đếm tái sinh hạt và tái sinh sinh dưỡng của loài theo phương pháp Nguyễn Nghĩa Thìn (Nguyễn Nghĩa Thìn, 2008). Tiến hành đếm số cây con được tái sinh sinh dưỡng và hạt trên mỗi ô tiêu chuẩn.

Bảng điều tra tái sinh cây ở ÔTC số:

TT	Chiều cao (cm)	Đường kính (mm)	Nguồn gốc tái sinh	
			Thân ngầm	Hạt

2.3.3. Phương pháp đánh giá nông thôn có sự tham gia của người dân (PRA)

- PRA (Participatory Rural Appraisal) là phương pháp đánh giá nông thôn có sự tham gia của người dân, là quá trình học hỏi lẫn nhau một cách linh hoạt giữa người dân địa phương và người khác, là tập hợp các phương thức và phương pháp giúp cho người dân trao đổi và phân tích kiến thức đã có.

- Mục tiêu của PRA được sử dụng để:
 - + Tìm hiểu và đánh giá nhu cầu của cộng đồng.
 - + Xác định vấn đề ưu tiên cho các hoạt động phát triển.
 - + Tìm ra giải pháp có thể và xác định các hoạt động liên quan những lĩnh vực chủ đề khác nhau.
 - + Chuẩn bị kế hoạch hoạt động cụ thể và hệ thống.
 - + Huy động các nguồn lực tự nhiên và con người.
 - + Xem xét những thành công và thất bại trước đó.

Chúng tôi sử dụng PRA để tìm hiểu về khu vực phân bố của loài Trắc dây; tuổi Trắc dây, tham khảo một số đề xuất bảo tồn và phát triển loài Trắc dây.

- Đối tượng: 30 hộ dân trong có độ tuổi từ 20 - 70 tuổi; người khai thác và kinh doanh các sản phẩm từ gỗ, ...
- Công cụ PRA: Sử dụng phỏng vấn dùng câu hỏi mở và xây dựng phiếu điều tra để thu thập thông tin.

3. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

3.1. Đặc điểm phân bố của loài Trắc dây (*Dalbergia annamensis* A.Chev.) tại khu vực núi Miếu, xã Hòa Quang Bắc, huyện Phú Hòa, tỉnh Phú Yên

3.1.1. Đặc điểm phân bố theo thời gian

Tại khu vực núi Miếu, Trắc dây sống trên địa hình núi thấp có độ cao dưới 50m, chịu nhiều nắng gió, khô hạn. Nơi đây chủ yếu là cây bụi vì rừng đã bị tàn phá bởi chiến tranh cũng như người dân khai thác

trái phép, chỉ còn lại cây bụi hoặc mọc xen cùng với cây lâm nghiệp như bạch đàn.

Theo những người sống ở địa phương, những người lớn tuổi đi lấy gỗ về làm tủ bàn, sản phẩm mỹ nghệ, thợ lấy mật ong rừng, thì sự phân bố của Trắc dây nơi đây có thể chia làm nhiều giai đoạn.

- Trong thời chiến tranh kháng chiến chống Mỹ, trước năm 1962 địa bàn núi Miếu là khu căn cứ cách mạng, nên rừng được bảo vệ và có Trắc dây mọc nhiều.

- Đầu năm 1962, Quân đội Sài Gòn cho lực lượng đổ bộ chiếm núi Miếu xây dựng căn cứ quân sự nhằm ngăn chặn hành lang vận tải của ta, khống chế, kiểm soát vùng rộng lớn phía tây của huyện Phú Hòa. Tỉnh đội Phú Yên hạ quyết tâm tiêu diệt căn cứ này, khai thông hành lang vận tải; đẩy mạnh tiến công tổng hợp hỗ trợ quân chúng phá ấp chiến lược, giành quyền làm chủ ngày 16-1-1963. Sau trận đánh này, Trắc dây cũng như thảm thực vật nơi đây bị tàn phá nặng nề, số lượng Trắc dây còn lại rất ít.

- Năm 1963-1975, khu vực này thực vật dần dần phục hồi;

- Năm 1975-2000, người dân bắt đầu vào đây khai thác Trắc dây dưới nhiều hình thức như: cây kích thước lớn có đường kính lõi trên 6cm đem về đóng đồ dùng gia dụng như bàn ghế, tủ, Còn cây có kích thước nhỏ hơn chặt về làm củi đốt.

- Từ 2001 đến 2012 thì số cây Trắc dây có giá trị sử dụng gần như cạn kiệt vì không những khai thác cây gỗ tươi mà thợ rừng còn thu gom cả những gốc gỗ lớn khô còn sót lại để bán cho các nghệ nhân gỗ mỹ nghệ.

- Từ năm 2013 nơi đây được công nhận di tích lịch sử cấp tỉnh, được các cấp chính quyền địa phương bảo vệ nên Trắc dây dần phục hồi.



Hình 1. Khu vực núi Miếu, xã Hòa Quang Bắc (Nguồn Google Earth)



Hình 2. Trắc dây tại Núi Miếu đã bị tàn phá



Hình 3. Trắc dây tái sinh từ thân ngầm

Tại thời điểm nghiên cứu, chúng tôi khảo sát 5 ô tiêu chuẩn thì sự phân bố, mật độ cây Trắc dây tái sinh như bảng sau:

Bảng 1. Mật độ, chiều cao, đường kính Trắc dây ở các ÔTC

ÔTC	N(cây)	Hvn (tb)(cm)	D ₀₀ (tb) (mm)
1	18	24,83±7,67	2,19±0,27
2	25	19,25±1,62	2,48±0,18
3	13	20,54±2,92	2,93±0,03
4	16	24,88±5,32	3,33±0,38
5	45	19,28±2,04	3,12±0,23

3.1.2. Đặc điểm vùng phân bố của loài Trắc dây ở khu núi Miếu

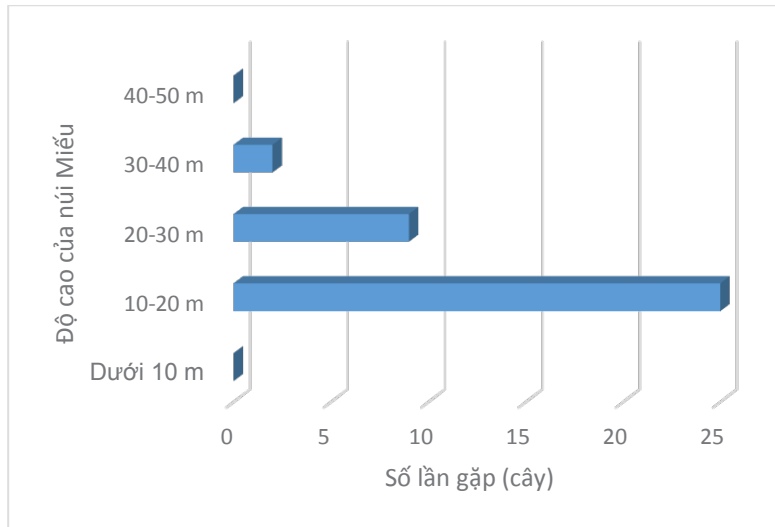
Ngoài lập ÔTC, chúng tôi còn tiến hành điều tra theo 5 tuyến nhằm khảo sát các khu phân bố của loài Trắc dây.

3.1.2.1. Phân bố của loài theo độ cao

Bảng 2. Tần suất gặp của Trắc dây theo độ cao

Đai cao	Dưới 10 m	10-20 m	20-30 m	30-40 m	40-50 m	Tổng
Số lần gặp	0	25	9	2	0	36
Tỷ lệ %	0%	69,44%	25%	5,56%	0%	100,00%

Biểu đồ 1. Tổng hợp sự phân bố của Trắc dây theo độ cao



Qua số liệu ở bảng 2 và biểu đồ 1 cho thấy Trắc dây rất thích hợp với độ cao từ 10-30 m. Ở độ cao đỉnh núi 50 m hầu như không bắt gặp sự xuất hiện của Trắc dây. Ở độ cao dưới 10m trước đây Trắc dây phân bố cũng khá nhiều, nhưng hiện nay những khu vực này người dân sử dụng để sản xuất nông nghiệp cây hoa màu ngăn ngày, vì

vậy không còn cơ hội cho sự phân bố Trắc dây.

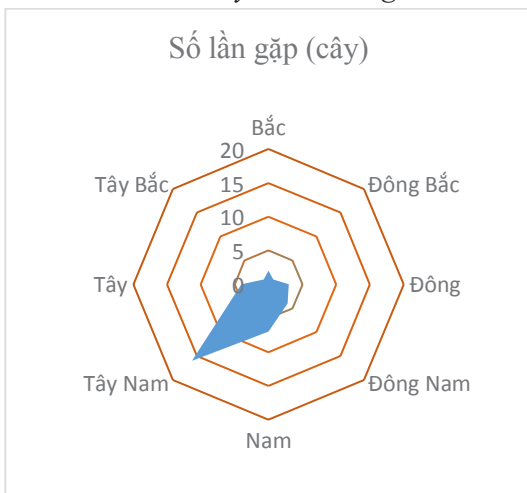
3.1.2.2. Phân bố của loài theo hướng

Dựa vào bản đồ địa hình và điều tra thực địa theo tuyến, chúng tôi đưa ra bảng 3.3 thể hiện sự phân bố của loài theo các hướng khác nhau:

Bảng 3. Tần suất gặp loài Trắc dây theo hướng

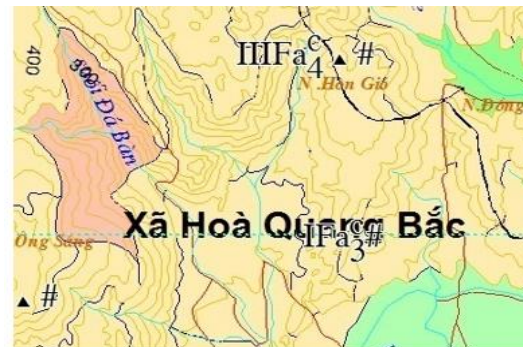
Hướng	Bắc	Đông Bắc	Đông	Đông Nam	Nam	Tây Nam	Tây	Tây Bắc	Tổng
Số lần gặp	2	1	3	4	7	16	4	1	36
Tỷ lệ %	5,56%	2,78%	8,33%	11,11%	19,44%	44,44%	11,11%	2,78%	100,00%

Biểu đồ 2. Tổng hợp các điểm phân bố của Trắc dây theo hướng



Qua số liệu ở bảng 3 và biểu đồ 2 cho thấy Trắc dây có khả năng phân bố ở nhiều hướng, trong đó phân bố chủ yếu ở hướng Tây Nam của núi Miếu.

3.1.2.3. Phân bố của loài theo loại đất



Hình 4. Loại đất phân bố Trắc dây

Qua điều tra thực tế và bản đồ chi tiết đất của Sở tài nguyên và môi trường Phú Yên cung cấp, chúng tôi nhận thấy khu vực nghiên cứu chủ yếu là đất đỏ vàng trên đá macma acid, đất cát pha đến thịt nhẹ, tầng đất mịn chủ yếu là < 50 cm, có đá lộ đầu rải

rác ngoài ra một số vùng còn có đá lẫn 10-25%, đá xếp ở đáy. Toàn khu vực nghiên cứu chủ yếu là đất Glây trung bình toàn phẫu diện.

3.1.2.4. Phân bố của loài theo trạng thái rừng

Bảng 4. Tần suất gặp của Trắc dây theo trạng thái rừng

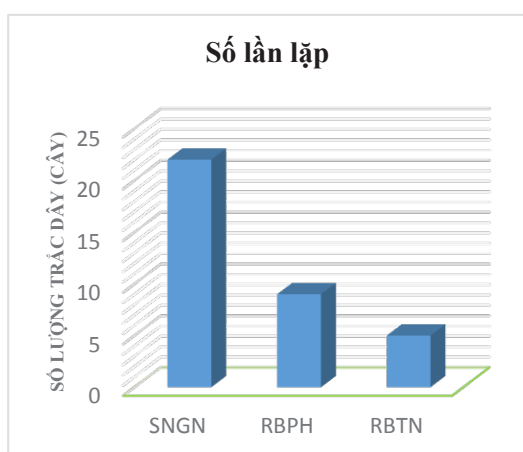
Trạng thái	Sườn núi gần nhà dân	Rừng cây bụi phục hồi sau nương rẫy	Rừng cây bụi tự nhiên	Tổng
Số lần gặp	22	9	5	36
Tỷ lệ %	61,11%	25,00%	13,89%	100,00%

Ghi chú: SNGN: Sườn núi gần nhà dân

RBTN: Rừng cây bụi tự nhiên

RBPH: Rừng cây bụi phục hồi sau nương rẫy

Biểu đồ 3. Tần suất gặp của Trắc dây theo trạng thái rừng



Qua số liệu ở bảng 4 và biểu đồ 3, chúng tôi nhận xét thấy Trắc dây phân bố chủ yếu ở các trạng thái rừng cây bụi, đặc biệt số lượng cá thể tăng vọt ở khu vực sườn núi gần nhà dân. Điều này chứng tỏ Trắc dây là cây có khả năng phục hồi nhanh sau nương rẫy và được người dân bảo vệ.

3.1.2.5. Phân bố của loài theo vị trí tương đối của núi

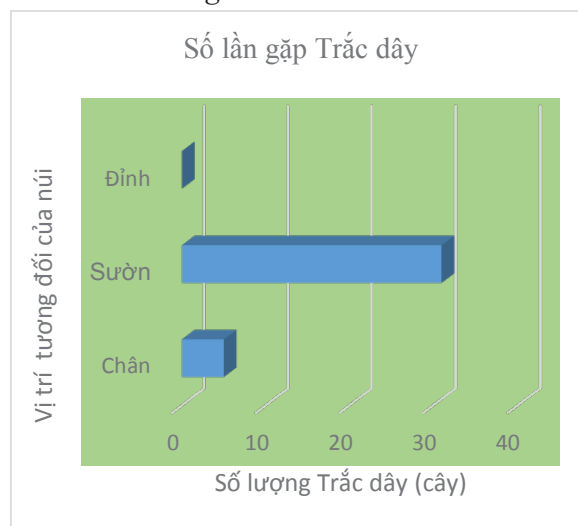
Dựa vào kết quả điều tra thực địa về loài này, chúng tôi đưa ra bảng 5 và biểu đồ 4 thể hiện mức độ ảnh hưởng của các vị trí

tương đối của núi, đòi đến sự phân bố của loài:

Bảng 5. Tần suất gặp của Trắc dây theo vị trí tương đối của núi

Vị trí	Chân	Sườn	Đỉnh	Tổng
Số lần gặp	5	31	0	36
Tỷ lệ (%)	13,89	86,11	0,00	100,00

Biểu đồ 4. Phân bố của Trắc dây theo vị trí tương đối của đồi núi



3.2. Các hình thức sinh sản

Trong quá trình điều tra thực địa, chúng tôi nhận thấy Trắc dây có 2 hình thức sinh sản tự nhiên: sinh sản hữu tính từ hạt và sinh sản sinh dưỡng từ thân ngầm. Trong

đó sinh sản sinh dưỡng từ thân ngầm chiếm đa số với tỷ lệ 86,32%.

Bảng 6. Các hình thức tái sinh tự nhiên

OTC	N (cây)	Tái sinh thân ngầm (cây)	Tái sinh hạt (cây)
1	18	17	1
2	25	21	4
3	13	10	3
4	16	15	1
5	45	38	7
Tổng cộng	117	101	16
Tỷ lệ (%)	100,00 %	86,32%	13,68%

Biểu đồ 5. Tỷ lệ % các hình thức tái sinh tự nhiên



4. Kết luận

4.1. Đặc điểm phân bố của loài Trắc dây (*Dalbergia annamensis* A.Chev.) tại khu

vực núi Miếu, xã Hòa Quang Bắc, huyện Phú Hòa, tỉnh Phú Yên

- Trắc dây theo thời gian và quá trình lịch sử có biến động rất lớn về số lượng. Hiện tại, số lượng còn lại rất ít chủ yếu là cây con còn rất nhỏ, cần được khoanh vùng bảo vệ nghiêm ngặt. Hầu như cây Trắc dây lớn, Trắc dây có hoa đã bị tàn phá hết.

- Khu vực này, chúng tôi điều tra được 117 cây với chiều cao vút ngọn trung bình từ 19,25-24,83 (cm) và đường kính gốc trung bình 2,19 – 3,33 (mm).

- Tần suất gặp của Trắc dây theo độ cao từ 10 – 30 m, trong đó độ cao 10 - 20 m chiếm nhiều nhất với 69,44%. Trắc dây phân bố nhiều nhất ở sườn núi (86,11%), hướng Tây Nam chiếm 44,44%.

4.2. Các hình thức tái sinh tự nhiên

Trắc dây có khả năng tái sinh tự nhiên dưới hai hình thức sinh sản là từ hạt và sinh sản từ thân ngầm. Trong đó sinh sản từ thân ngầm chiếm phần lớn với tỷ lệ 86,32%. Mặc dù khu vực này những cây có hoa đã bị chặt phá hoàn toàn, nhưng nhờ có đặc điểm rất hay là sinh sản từ thân ngầm, nên Trắc dây có khả năng tái sinh từ đây rất lớn. Vì vậy, khuyến cáo chính quyền và người dân cần khoanh vùng, bảo vệ để có thể phát triển Trắc dây nơi đây □

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Bộ Khoa học Công nghệ và Môi trường (1996), *Sách đỏ Việt Nam phần thực vật*, Nxb Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội, tr. 109-110
- Chính phủ (2002), Nghị định số 48/2002/NĐ-CP ngày 22 tháng 04 năm 2002 về việc sửa đổi, bổ sung danh mục thực vật, động vật hoang dã quý hiếm.
- Nguyễn Hồng Đăng (2009), *230 loài gỗ thường gặp trong sản xuất kinh doanh*, Nxb Nông nghiệp, tr. 21.
- Phạm Hoàng Hộ (1999), *Cây cỏ Việt Nam quyển 1*, Nxb Trẻ Tp Hồ Chí Minh, tr. 878-889.
- Nguyễn Nghĩa Thìn (2008), *Các phương pháp nghiên cứu thực vật*, Nxb ĐHQG Hà Nội, Hà Nội.